

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/DS-ST
Ngày: 31-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trần Phúc
2. Ông Đào Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Huệ Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trang Khánh H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 21, đường Ngô Gia T, khu phố A, phường B, thành phố Tây N, tỉnh Tây Ninh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: chị Dương Thị Kiều Ng, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Thạnh T, xã Thạnh T, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* chị Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Suối M, xã Thái B, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* chị Trần Thị L, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Suối M, xã Thái B, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Dương Thị Kiều Ng trình bày:

Thông qua sự giới thiệu của chị Trần Thị L, ngày 20/8/2020 chị Trang Khánh H có cho chị Phạm Thị Thu H1 vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày từ ngày 20/8/2020 đến ngày 29/8/2020, vay có lãi suất nhưng không nói rõ là lãi bao nhiêu %, chỉ nói sau khi trả nợ thì người vay muốn cho thêm chị H bao nhiêu tiền thì cho. Chị H1 có viết Giấy mượn tiền và chị L có ký nhận bảo lãnh nợ.

Đến hạn nhưng chị H1 không trả gốc lãi cho chị H. Nay chị H yêu cầu chị H1 trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn theo quy định pháp luật với lãi suất 10%/năm từ ngày 30/8/2020 cho đến khi giải quyết xong tính tròn 2 năm.

Chị H không yêu cầu chị Trần Thị L và chị H1 cùng có trách nhiệm trả nợ.

Chị xác định khoản vay trên chị H1 và chị L chưa trả. Chị H1 có cung cấp các giấy tờ về việc trả số tiền 55.000.000 đồng, 19.000.000 đồng và chị H thừa nhận có nhận các khoản tiền trên. Tuy nhiên, không phải là trả cho khoản vay 50.000.000 đồng mà trả các khoản vay khác, cụ thể:

- Số tiền 55.000.000 đồng là trả cho khoản vay 45.000.000 đồng, khoản vay này chị không nhớ thời điểm vay nhưng đến ngày 17/8/2020 chị H1 có làm giấy gia hạn (chỉ cung cấp bản photo vì bản chính không còn).

- Số tiền 19.000.000 đồng là trả cho khoản vay 15.000.000 đồng ngày 24/8/2020, chị H1 nhờ chị L đứng ra ký bảo lãnh nợ, chị L viết giấy nợ, chị H chụp lại giấy nợ rồi gửi tin nhắn zalo cho chị H1 qua số điện thoại 0967.396.892 để hỏi ý kiến chị H1. Chị H1 đồng ý nên chị H đưa tiền cho chị L. Tuy nhiên, bản chụp màn hình tin nhắn zalo không có ngày tháng, chị H không nhớ được cụ thể khoảng thời gian nhắn tin zalo với chị H1.

Các giấy nợ trên không còn bản chính vì đã trả lại cho chị H và chị L khi trả

xong nợ.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị Thu H1 trình bày:

Chị thừa nhận ngày 20/8/2020 chị có vay của chị H số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, lãi suất thỏa thuận bên ngoài là 1.000.000 đồng/ngày. Chị có viết và ký giấy mượn tiền cho chị H, chị L có ký bảo lãnh trong giấy nợ.

Mục đích chị vay tiền là để giúp đỡ chị L, do chị L gặp khó khăn nên nhờ chị đứng ra vay tiền dùm. Sau khi nhận tiền từ chị H, chị đưa lại cho chị L. Khoảng thời gian sau chị L có nhắn tin báo cho chị biết khoản vay trên đã trả xong, cụ thể:

- Ngày 08/9/2020 trả số tiền 35.000.000 đồng;
- Ngày 09/9/2020 trả số tiền 20.000.000 đồng;
- Và chuyển khoản cho chị H số tiền 19.000.000 đồng.

Số tiền trả nợ 35.000.000 đồng và 20.000.000 đồng chị L trả nợ và viết nội dung trả vào mặt bên của giấy nợ gốc, giấy nợ gốc là tờ giấy đôi của tập học sinh, không phải giấy lẻ như nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, chị H không thừa nhận mà cho rằng là trả cho khoản vay khác thì chị không đồng ý vì:

- Giấy gia hạn số tiền 45.000.000 đồng là giấy photo, có thể cắt ghép chữ ký của chị. Chị khẳng định không vay của chị H khoản tiền nào khác ngoài 50.000.000 đồng, nội dung viết gia hạn cũng không phải chữ viết của chị.

- Giấy nợ 15.000.000 đồng là do chị L viết, chị không biết, không liên quan đến chị.

- Chị không sử dụng số điện thoại 0967.396.892 và cũng không nhận được tin nhắn zalo nào có nội dung trên từ chị H.

Nay ý kiến của chị là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xác định khoản vay 50.000.000 đồng đã trả xong. Ngoài ra chị không có yêu cầu nào khác. Việc vay mượn giữa chị và chị H không liên quan đến anh Đỗ Văn Thụ, không yêu cầu anh Đỗ Văn Thụ có trách nhiệm gì trong vụ kiện này.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng chị L và chị H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: áp dụng Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị H1 trả cho chị H số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn theo quy định pháp luật với lãi suất 10%/năm trong thời hạn 2 năm. Ghi nhận chị H, chị H1 không yêu cầu chị L và cH chị H1 cùng có trách nhiệm trả nợ. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Trang Khánh H, lời khai của đương sự và chứng cứ trong vụ án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị Trang Khánh H vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền. Chị Trần Thị L, chị Phạm Thị Thu H1 đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa án, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và chị H1.

Về nội dung vụ án:

[3] Chị Phạm Thị Thu H1 thừa nhận có vay của chị H số tiền 50.000.000 đồng theo đúng như Giấy mượn tiền ngày 20/8/2020 với thời hạn vay là 10 ngày,

lãi suất thỏa thuận bên ngoài là 1.000.000 đồng/ngày. Chị Ng xác định chị H cho vay có tính lãi nhưng không nói rõ mức lãi suất, người vay muốn cho bao nhiêu thì cho. Giấy mượn tiền không thể hiện lãi suất vay. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định việc vay tiền giữa chị H1 và chị H là có thật. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

[4] Xác định việc trả nợ:

[4.1] Chị H1 trình bày đã trả cho chị H khoản vay này, cụ thể trả thành 3 đợt, tổng số tiền trả là 74.000.000 đồng bao gồm tiền gốc và tiền lãi, do chị L trực tiếp trả thay chị. Để chứng minh, chị H1 cung cấp 01 giấy photo có 01 bên là nội dung vay và một bên là nội dung trả nợ như chị H1 trình bày cùng 01 giấy pho tô có nội dung chuyển khoản số tiền 19.000.000 đồng. Nguyên đơn thừa nhận có nhận các khoản tiền trên nhưng xác định là trả cho khoản vay khác là khoản vay 45.000.000 đồng và 15.000.000 đồng, nguyên đơn cung cấp các giấy nợ pho tô để chứng minh việc có cho chị H1 vay tiền nhiều lần vì giấy nợ gốc không còn do đã trả lại cho chị L. Ngoài giấy nợ pho tô nguyên đơn còn cung cấp file chụp ảnh gốc của giấy nợ và yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của chị H1. Tuy nhiên, Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh không giám định đối với file ảnh chụp. Thấy rằng, chị L là người trả số tiền 74.000.000 đồng nên chị L biết rõ đã trả cho khoản vay nào. Tuy nhiên, chị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn có sự mâu thuẫn trong việc xác định số tiền 74.000.000 đồng là trả nợ cho khoản vay nào? Giấy nợ gốc viết bằng tập học sinh là giấy đôi có một bên là nội dung giấy nợ, một bên là nội dung trả nợ số tiền 35.000.000 đồng và 20.000.000 đồng như bị đơn trình bày hay giấy nợ chỉ là một tờ giấy lẻ như nguyên đơn cung cấp?

[4.2] Xét thấy, chị H1 trình bày lãi suất khi vay là 1.000.000 đồng/ ngày, giấy nợ có thỏa thuận nếu không trả đúng hạn thì sẽ trả nợ gốc gấp đôi là 100.000.000 đồng, ngày 20/8/2020 vay nợ, thời hạn trả là đến ngày 29/8/2020, các lần chị H1 trình bày trả nợ là ngày 08/9/2020 và ngày 09/9/2020 cho thấy chị H1 trả không đúng thời hạn, nếu đối chiếu thì số tiền trả nợ không phù hợp với số tiền nợ gốc và nợ lãi phải trả theo thỏa thuận khi vay; các giấy tờ trả nợ cũng không thể hiện là trả cho khoản vay nào, không do chị H1 trực tiếp trả mà thông qua chị L, chỉ nghe chị L nói lại; chị H1 không chứng minh được nội dung trả số tiền 35.000.000 đồng và 20.000.000 đồng là ghi ở mặt bên của giấy nợ nên không có

căn cứ xem xét; mặt khác, chị H1 phải biết nguyên tắc khi trả nợ phải lấy lại giấy nợ gốc để tránh ảnh hưởng quyền lợi sau này. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không thấy được sự liên quan giữa các giấy tờ trả nợ chị H1 cung cấp đối với giấy nợ chị H khởi kiện, do đó xác định đây là khoản vay chưa trả, chị H1 có trách nhiệm trả cho chị H số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

[5] Về lãi suất: chị Ng yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 30/8/2020 đến nay là 2 năm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, xác định lãi suất phải trả như sau: $50.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 2 \text{ năm} = 10.000.000 \text{ đồng}$.

[6] Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc Chị Phạm Thị Thu H1 có trách nhiệm trả cho chị Trang Khánh H số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng. Ghi nhận chị H không yêu cầu chị L cùng có trách nhiệm trả nợ. Ghi nhận chị H và chị H1 không yêu cầu chị H1 cùng có trách nhiệm trả nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Chị Phạm Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $60.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.000.000 \text{ đồng}$.

Chị Trang Khánh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0016788 ngày 15/10/2021 của cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[8] Về chi phí tố tụng khác: ghi nhận chị H tự nguyện chịu chi phí giám định số tiền 1.000.000 đồng (đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của chị Trang Khánh H đối với chị Phạm Thị Thu H1.

Buộc chị Phạm Thị Thu H1 có trách nhiệm trả cho chị Trang Khánh H số tiền là 60.000.000 đồng.

Ghi nhận chị H không yêu cầu chị L cùng có trách nhiệm trả nợ. Ghi nhận chị H và chị H1 không yêu cầu chị H1 cùng có trách nhiệm trả nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Chị Phạm Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng.

Chị Trang Khánh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0016788 ngày 15/10/2021 của cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

3. Về chi phí tố tụng khác: ghi nhận chị H tự nguyện chịu chi phí giám định số tiền 1.000.000 đồng (đã nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thúy Liễu